

Số: /KH-UBND

Bình Giang, ngày

tháng 04 năm 2026

KẾ HOẠCH

Chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn xã Bình Giang

Căn cứ Quyết định số 1167/QĐ-UBND ngày 31/3/2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt Chiến lược chuyển đổi số thành phố, Ủy ban nhân dân xã Bình Giang ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn xã, cụ thể như sau:

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Tổ chức triển khai chuyển đổi số xã Bình Giang một cách toàn diện, thực chất, hiệu quả; lấy người dân làm trung tâm, dữ liệu làm nền tảng, công nghệ số làm động lực; góp phần xây dựng chính quyền số hoạt động thông suốt, minh bạch; thúc đẩy phát triển kinh tế số nông thôn, xã hội số; nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân, đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy và phát triển bền vững giai đoạn 2026 - 2030.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Phát triển Chính quyền, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động:

2.1.1. Cung cấp dịch vụ số

* Giai đoạn 2026 - 2027

- 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được thực hiện trực tuyến toàn trình.
- 100% thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh chỉ cung cấp một lần cho cơ quan hành chính nhà nước.

- 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình thiết yếu được ứng dụng AI trong ít nhất một trong các khâu tiếp nhận, xử lý hồ sơ, hỗ trợ người dùng hoặc ra quyết định tự động, nhằm nâng cao hiệu quả, tốc độ và chất lượng phục vụ.

- 95% người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

* Giai đoạn 2028 - 2030

- 99% người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

- 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình được ứng dụng AI trong ít nhất một trong các khâu tiếp nhận, xử lý hồ sơ, hỗ trợ người dùng hoặc ra quyết định tự động, nhằm nâng cao hiệu quả, tốc độ và chất lượng phục vụ.

- 50% dịch vụ công trực tuyến thiết yếu được triển khai ở mức chủ động, được AI hỗ trợ “cá thể hóa”, thông báo hoặc gợi ý hành động theo các mốc sự kiện quan trọng trong cuộc đời.

- 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa.

- 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa được tái sử dụng trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính.

2.1.2. Công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành thông minh, an toàn dựa trên dữ liệu:

** Giai đoạn 2026 - 2027*

- 100% các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực phục vụ Chính phủ số, Chính quyền số do Chính phủ và các bộ, ngành trung ương triển khai đến cấp thành phố, cấp xã được triển khai theo đúng kế hoạch trên địa bàn xã.

- 100% hồ sơ công việc của xã được xử lý trên môi trường điện tử (*trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước*) và sử dụng chữ ký số cá nhân để giải quyết công việc.

- 100% chế độ báo cáo của các cơ quan được thực hiện trên Hệ thống thông tin báo cáo.

- 100% nhiệm vụ Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố giao cho xã được theo dõi, giám sát, đánh giá trên môi trường điện tử.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo kỹ năng số cơ bản.

- 50% cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số trên địa bàn xã được đào tạo đạt chứng chỉ quản trị dữ liệu cơ bản.

** Giai đoạn 2028 - 2030*

- 100% hệ thống thông tin được kết nối, chia sẻ dữ liệu qua dịch vụ chia sẻ dữ liệu.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn xã thường xuyên sử dụng trợ lý ảo hoặc công cụ số thông minh để hỗ trợ thực thi công vụ nhằm nâng cao hiệu suất làm việc.

- 100% cơ quan, tổ chức sử dụng ít nhất 01 ứng dụng AI để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, cải cách hành chính.

- 100% nhiệm vụ của các cơ quan hành chính thực hiện được theo dõi, quản lý, giám sát trên môi trường số.

- 100% các cơ quan nhà nước thực hiện chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường số.

- 100% cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, dữ liệu của xã được đào tạo đạt chứng chỉ quản trị dữ liệu cơ bản.

- 100% các hệ thống thông tin phục vụ phát triển Chính quyền số trên địa bàn xã phải được phê duyệt hồ sơ đề xuất bảo đảm an ninh mạng theo cấp độ trước khi đưa vào vận hành, sử dụng; được kiểm tra, đánh giá an ninh mạng định kỳ.

- 100% cơ quan nhà nước, doanh nghiệp nhà nước sử dụng các dịch vụ điện toán đám mây do doanh nghiệp trong nước cung cấp.

2.2. Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy tăng trưởng của nền kinh tế:

** Giai đoạn 2026 - 2027:*

- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 10%.

- Năng suất lao động hằng năm tăng tối thiểu 5%.
- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 50%.
- Phần đầu 20% doanh nghiệp trên địa bàn xã sử dụng hợp đồng điện tử.

* *Giai đoạn 2028 - 2030:*

- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 20%.
- Năng suất lao động hằng năm tăng tối thiểu 8%.
- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 70%.
- Phần đầu 50% doanh nghiệp trên địa bàn xã sử dụng hợp đồng điện tử.

2.3. Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số:

* *Giai đoạn 2026 - 2027:*

- Tối thiểu 50% dân số từ 15 tuổi trở lên trên địa bàn xã có tài khoản tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác.

- Tối thiểu 30% dân số trưởng thành trên địa bàn xã có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân.

- Tối thiểu 50% người dân trên địa bàn xã có Sổ sức khỏe điện tử.

- Tối thiểu 50% người dân trên địa bàn xã biết kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông

- Mạng băng rộng di động 5G phủ sóng 85% dân số.

- Tỷ lệ sử dụng IPv6 trên địa bàn xã đạt 60%.

- Trên 50% dân số trưởng thành có điện thoại thông minh.

- 85% người dân có khả năng tiếp cận các kênh truyền thông chính thống trên nền tảng số.

* *Giai đoạn 2028 - 2030:*

- Tối thiểu 80% dân số từ 15 tuổi trở lên trên địa bàn xã có tài khoản tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác.

- Tối thiểu 80% người dân trên địa bàn xã có Sổ sức khỏe điện tử.

- Tối thiểu 95% người dân trên địa bàn xã biết kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông.

- Mạng băng rộng di động 5G phủ sóng 99% dân số.

- Tỷ lệ sử dụng IPv6 trên địa bàn xã đạt 90%.

- Trên 95% dân số trưởng thành có điện thoại thông minh.

- 100% người dân có khả năng tiếp cận các kênh truyền thông chính thống trên nền tảng số; phổ cập nền tảng truyền hình số quốc gia tới 100% hộ gia đình có kết nối Internet.

(Nội dung phân công đơn vị chủ trì, phối hợp; dự kiến kết quả, thời gian của các mục tiêu cụ thể tại Phụ lục 1, 2 kèm theo Kế hoạch này)

IV. CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU.

1. Hoàn thiện thể chế:

- Rà soát, ban hành và cập nhật các quy chế, quy định nội bộ của Ủy ban nhân dân xã liên quan đến quản lý, vận hành và khai thác các hệ thống thông tin, nền tảng số, bảo đảm thống nhất, đồng bộ với quy định của Trung ương và Thành phố Hải Phòng.

- Ban hành quy chế bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; bảo vệ dữ liệu cá nhân; phân quyền truy cập, khai thác dữ liệu số phục vụ quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ công.

- Lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ chuyển đổi số vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm và 5 năm của xã; gắn chuyển đổi số với cải cách hành chính, xây dựng chính quyền cơ sở hiện đại.

- Hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa Ủy ban nhân dân xã với các cơ quan chuyên môn cấp trên, các doanh nghiệp viễn thông - công nghệ số trong triển khai, duy trì, khai thác hiệu quả các nền tảng số dùng chung.

- Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện thể chế, cơ chế chuyển đổi số; kịp thời kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung các quy định không còn phù hợp với thực tiễn triển khai tại xã.

2. Phát triển Hạ tầng số và Dữ liệu số:

- Nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin của xã.

- Triển khai mạng truyền số liệu chuyên dùng của Đảng và Nhà nước theo hướng thống nhất, dùng chung cho toàn bộ hệ thống chính trị của xã, phục vụ gửi nhận văn bản và xử lý hồ sơ Mật, Tối mật, bảo đảm liên thông và đồng bộ dữ liệu với các nền tảng và ứng dụng dùng chung của thành phố.

- Cung cấp dữ liệu mở đúng chuẩn kết nối, chia sẻ dữ liệu qua trục kết nối chia sẻ dữ liệu của thành phố.

3. Phát triển chính quyền số:

- Tổ chức triển khai kịp thời và hiệu quả các nền tảng số phục vụ phát triển Chính phủ số do Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương triển khai đến xã.

- Cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình đối với các thủ tục hành chính đủ điều kiện; Số hoá kết quả giải quyết thủ tục hành chính; dữ liệu số hóa được khai thác, sử dụng lại trong giải quyết thủ tục hành chính và quản lý nhà nước.

- Thực hiện hồ sơ công việc trên môi trường điện tử, sử dụng chữ ký số cá nhân; thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo trên Hệ thống thông tin báo cáo; xây dựng phần mềm theo dõi nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố giao trên môi trường số.

- Phối hợp triển khai và khai thác ứng dụng AI hoặc công cụ hỗ trợ thông minh do thành phố, Trung ương cung cấp phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân xã.

- Tổ chức đào tạo kỹ năng số cơ bản cho cán bộ, công chức, viên chức; cử cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số tham gia đào tạo quản trị dữ liệu, an toàn thông tin theo kế hoạch cấp trên.

4. Phát triển Kinh tế số và Xã hội số:

- Hình thành các mô hình truy xuất nguồn gốc, thương mại điện tử cho nông sản.

- Đẩy mạnh tuyên truyền về giao dịch thanh toán dịch vụ công và thương mại điện tử trên địa bàn thực hiện qua phương thức không tiền mặt.

- Xây dựng, phổ biến, triển khai các chính sách khuyến khích người dân cài đặt và sử dụng các ứng dụng tương tác với chính quyền.

- Tổ chức các lớp hướng dẫn cho thanh niên, phụ nữ và nông dân sử dụng định danh điện tử VNeID trong giải quyết thủ tục hành chính.

5. An toàn thông tin:

- Tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn kỹ thuật về bảo vệ dữ liệu cá nhân trong cơ quan nhà nước theo Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân. Triển khai hướng dẫn kỹ thuật về lưu trữ, xử lý, chia sẻ và kiểm soát truy cập dữ liệu cá nhân trong các nền tảng và hệ thống thông tin.

- Triển khai đầy đủ các phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ đã được phê duyệt đối với hệ thống thông tin của xã.

6. Phát triển nhân lực số:

- Xây dựng chương trình tập huấn riêng cho đội ngũ lãnh đạo cấp ủy, chính quyền về tư duy chiến lược và kỹ năng quản lý trong môi trường số.

- Phổ biến, triển khai cung cấp học liệu để đào tạo, phổ cập kỹ năng số, hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ số của cơ quan nhà nước cho các đối tượng trên Nền tảng Bình dân học vụ số. Bố trí nhân lực chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số; triển khai thực chất, hiệu quả phong trào “Bình dân học vụ số”.

- Kiện toàn và nâng cao năng lực cho các thành viên tổ công nghệ số cộng đồng để hướng dẫn người dân sử dụng VNeID, dịch vụ công trực tuyến và thanh toán không dùng tiền mặt.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số trong các trường học trên địa bàn xã thông qua việc kết nối băng thông rộng và tích hợp các tiết học ngoại khóa về kỹ năng lập trình cơ bản, tư duy số cho học sinh. Khuyến khích Đoàn thanh niên xã thành lập các câu lạc bộ hỗ trợ chuyển đổi số, làm lực lượng nòng cốt hỗ trợ người cao tuổi và người dân tộc thiểu số tiếp cận công nghệ.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN.

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch này được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành và huy động từ các nguồn tài trợ hợp pháp khác.

2. Hằng năm bảo đảm bố trí ngân sách xã cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số phù hợp với chỉ tiêu quy định theo Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.

1. Các phòng, đơn vị theo chức năng nhiệm vụ.

- Triển khai các nền tảng số, cơ sở dữ liệu dùng chung do các bộ, ngành Trung ương, Thành phố triển khai đến cấp xã theo ngành, lĩnh vực phụ trách bảo đảm hiệu quả và phù hợp với tình hình của xã.

- Thực hiện chuẩn hóa, tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ thủ tục hành chính để đơn giản hóa tối đa thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến, hướng tới toàn trình.

- Triển khai rà soát, số hóa quy trình nội bộ; hồ sơ tài liệu, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong các ngành, lĩnh vực liên quan tới người dân; rà soát, đơn giản hóa các chế độ báo cáo, cắt giảm các chế độ báo cáo đã được thay thế bằng dữ liệu. Triển khai các chính sách, quy định của Chính phủ, bộ, ngành Trung ương và của Thành phố về khuyến khích người dân và doanh nghiệp sử dụng các dịch vụ Chính phủ số, Chính quyền số.

- Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ Kế hoạch này để xây dựng dự toán, đề xuất và bố trí kinh phí cụ thể để triển khai thực hiện theo quy định; huy động các nguồn vốn hợp pháp khác; tăng cường thuê dịch vụ công nghệ thông tin, đầu tư theo phương thức đối tác công tư để phát triển Chính quyền số; đẩy mạnh huy động các nguồn lực tài chính từ các tổ chức, cá nhân, các doanh nghiệp tham gia thực hiện Kế hoạch theo quy định pháp luật; lồng ghép các nhiệm vụ của Kế hoạch với các chương trình mục tiêu quốc gia khác có liên quan.

- Định kỳ hằng năm (trước ngày 10/11) báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch này gửi về Ủy ban nhân dân xã (qua phòng Văn hoá - Xã hội xã).

2. Phòng Văn hoá - Xã hội

- Chủ trì tổ chức thực hiện Kế hoạch này, theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc tổng hợp tình hình triển khai các nhiệm vụ của các cơ quan liên quan; định kỳ trước 15/11 hằng năm báo cáo Ủy ban nhân dân xã tình hình triển khai Kế hoạch.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân xã kịp thời biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác chuyển đổi số. Đồng thời, đề xuất, báo cáo xem xét, xử lý nghiêm các trường hợp không hoàn thành nhiệm vụ, thiếu trách nhiệm, gây ảnh hưởng đến mục tiêu chung của Kế hoạch.

- Gắn kết quả thực hiện Kế hoạch với đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tập thể và cá nhân, đặc biệt là người đứng đầu.

3. Phòng Kinh tế

Trên cơ sở nhu cầu của các phòng, đơn vị và khả năng cân đối ngân sách, tham mưu Ủy ban nhân dân xã bố trí kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các quy định hiện hành.

4. Trung tâm Phục vụ hành chính công xã:

- Tham mưu triển khai các nội dung liên quan đến chuyển đổi số, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của xã, đồng thời đôn đốc các phòng, đơn vị thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định.

- Nâng cao vai trò giám sát, đôn đốc các phòng, đơn vị trong việc tiếp nhận, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân, doanh nghiệp trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

5. Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công xã

Phối hợp với các phòng, đơn vị thực hiện truyền thông chính sách, phổ biến thông tin về Chính phủ số, Chính quyền số, các nền tảng số, chính sách dữ liệu, AI, chuyển đổi số đến người dân, doanh nghiệp.

6. Các Tổ công nghệ số cộng đồng

- Tổ chức quán triệt, phổ biến Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị; Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW của Ban Chỉ đạo Trung ương và Kế hoạch này đến đảng viên, đoàn thể, quần chúng tại các thôn.

- Tuyên truyền rộng rãi trong quần chúng Nhân dân về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, các thành tựu khoa học công nghệ, mô hình hay, cách làm hiệu quả trong lĩnh vực phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

- Phát huy vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng phối hợp với các phòng, ban, đơn vị, các doanh nghiệp công nghệ số tuyên truyền, hỗ trợ, hướng dẫn kỹ năng số cho người dân, hộ kinh doanh,... trên địa bàn.

7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội xã

Tham gia giám sát, phản biện xã hội đối với việc triển khai các dịch vụ công, đảm bảo minh bạch, thuận lợi cho người dân. Phối hợp tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên, doanh nghiệp và Nhân dân hưởng ứng các chủ trương, chính sách, nhiệm vụ của Kế hoạch này.

8. Đề nghị các doanh nghiệp Công nghệ số, doanh nghiệp Viễn thông

Căn cứ vào nội dung, nhiệm vụ và giải pháp của Kế hoạch, chủ động xây dựng các nội dung triển khai, phối hợp, đồng hành với các cơ quan, đơn vị.

Trên đây là Kế hoạch Chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn xã Bình Giang; đề nghị các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- MTTQ và các đoàn thể;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc UBND;
- Tổ công nghệ số cộng đồng xã;
- Các đơn vị Viễn thông;
- Công TTĐT xã;
- Lưu: VT, VHXH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Vũ Đăng Chương

Phụ lục 01
DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /04/2026 của Ủy ban nhân dân xã Bình Giang)

TT	Chỉ tiêu	Kết quả	Phòng, đơn vị chủ trì triển khai, theo dõi, đánh giá	Phòng, đơn vị thực hiện
A	Giai đoạn 2026 - 2027			
I	Phát triển Chính quyền, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động			
I.1	Cung cấp dịch vụ số			
1	Tỷ lệ thủ tục hành chính đủ điều kiện được thực hiện trực tuyến toàn trình.	100%	Trung tâm phục vụ Hành chính công xã	Các phòng, đơn vị
2	Tỷ lệ thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh chỉ cung cấp một lần cho cơ quan hành chính nhà nước.	100%	Trung tâm phục vụ Hành chính công xã	Các phòng, đơn vị
3	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình thiết yếu được ứng dụng AI trong ít nhất một trong các khâu tiếp nhận, xử lý hồ sơ, hỗ trợ người dùng hoặc ra quyết định tự động, nhằm nâng cao hiệu quả, tốc độ và chất lượng phục vụ.	100%	Trung tâm phục vụ Hành chính công xã	Các phòng, đơn vị
4	Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.	95%	Trung tâm phục vụ Hành chính công xã	Các phòng, đơn vị
I.2	Công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành thông minh, an toàn dựa trên dữ liệu			
1	Tỷ lệ các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực phục vụ Chính phủ số, Chính quyền số do Chính phủ và các bộ,	100%	Phòng Văn hoá - Xã hội	Các phòng, đơn vị

	ngành trung ương triển khai đến cấp thành phố, cấp xã được triển khai theo đúng kế hoạch trên địa bàn xã.			
2	Tỷ lệ hồ sơ công việc của xã được xử lý trên môi trường điện tử (<i>trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước</i>) và sử dụng chữ ký số cá nhân để giải quyết công việc.	100%	Văn Phòng HĐND và UBND xã	Các phòng, đơn vị
3	Tỷ lệ báo cáo của các cơ quan được thực hiện trên Hệ thống thông tin báo cáo.	100%	Văn Phòng HĐND và UBND xã	Các phòng, đơn vị
4	Tỷ lệ nhiệm vụ Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố giao cho xã được theo dõi, giám sát, đánh giá trên môi trường điện tử.	100%	Văn Phòng HĐND và UBND xã	Các phòng, đơn vị
5	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo kỹ năng số cơ bản.	100%	Phòng Văn hoá - Xã hội xã	Các phòng, đơn vị
6	Tỷ lệ cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số trên địa bàn xã được đào tạo đạt chứng chỉ quản trị dữ liệu cơ bản.	50%	Phòng Văn hoá - Xã hội xã	Các phòng, đơn vị
II	Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy tăng trưởng nền kinh tế			
1	Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực	10%	Phòng Kinh tế xã	Các phòng, đơn vị
2	Tỷ lệ Năng suất lao động hàng năm tăng tối thiểu	5%	Phòng Kinh tế xã	Các phòng, đơn vị
3	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt	50%	Phòng Kinh tế xã	Các phòng, đơn vị

4	Tỷ lệ doanh nghiệp trên địa bàn xã sử dụng hợp đồng điện tử.	20%	Phòng Kinh tế xã	Các phòng, đơn vị
III	Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số			
1	Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên trên địa bàn xã có tài khoản tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác.	50%	Phòng Kinh tế xã	Các phòng, đơn vị
2	Tỷ lệ dân số trưởng thành trên địa bàn xã có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân.	30%	Phòng Kinh tế xã	Các phòng, đơn vị
3	Tỷ lệ người dân trên địa bàn xã có Sổ sức khỏe điện tử.	50%	Phòng Văn hóa - Xã hội xã	Các phòng, đơn vị
4	Tỷ lệ người dân trên địa bàn xã biết kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông.	50%	Phòng Văn hóa - Xã hội xã	Các phòng, đơn vị
5	Tỷ lệ Mạng băng rộng di động 5G phủ sóng dân số;	85%	Phòng Văn hóa - Xã hội xã	Các phòng, đơn vị
6	Tỷ lệ sử dụng IPv6 trên địa bàn xã	60%.	Phòng Văn hóa - Xã hội xã	Các phòng, đơn vị
7	Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh.	50%	Phòng Văn hóa - Xã hội xã	Các phòng, đơn vị
8	Tỷ lệ người dân có khả năng tiếp cận các kênh truyền thông chính thống trên nền tảng số.	85%	Phòng Văn hóa - Xã hội xã	Các phòng, đơn vị
B	Giai đoạn 2028 - 2030			
I	Phát triển Chính quyền, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động			
I.1	Cung cấp dịch vụ số			
1	Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.	99%	Trung tâm phục vụ Hành chính công xã	Các phòng, đơn vị

2	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình được ứng dụng AI trong ít nhất một trong các khâu tiếp nhận, xử lý hồ sơ, hỗ trợ người dùng hoặc ra quyết định tự động, nhằm nâng cao hiệu quả, tốc độ và chất lượng phục vụ.	100%	Trung tâm phục vụ Hành chính công xã	Các phòng, đơn vị
3	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến thiết yếu được triển khai ở mức chủ động, được AI hỗ trợ “ cá thể hóa”, thông báo hoặc gợi ý hành động theo các mốc sự kiện quan trọng trong cuộc đời.	50%	Trung tâm phục vụ Hành chính công xã	Các phòng, đơn vị
4	Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa.	100%	Trung tâm phục vụ Hành chính công xã	Các phòng, đơn vị
5	Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa được tái sử dụng trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính.	100%	Trung tâm phục vụ Hành chính công xã	Các phòng, đơn vị
I.2	Công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành thông minh, an toàn dựa trên dữ liệu			
1	Tỷ lệ hệ thống thông tin được kết nối, chia sẻ dữ liệu qua dịch vụ chia sẻ dữ liệu.	100%	Phòng Văn hóa - Xã hội xã	Các phòng, đơn vị
2	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn xã thường xuyên sử dụng trợ lý ảo hoặc công cụ số thông minh để hỗ trợ thực thi công vụ nhằm nâng cao hiệu suất làm việc.	100%	Phòng Văn hóa - Xã hội xã	Các phòng, đơn vị
3	Tỷ lệ cơ quan, tổ chức sử dụng ít nhất 01 ứng dụng AI để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, cải cách hành chính.	100%	Phòng Văn hóa - Xã hội xã	Các phòng, đơn vị
4	Tỷ lệ nhiệm vụ của các cơ quan hành chính thực hiện được theo dõi, quản lý, giám sát trên môi	100%	Văn Phòng HĐND và UBND xã	Các phòng, đơn vị

	trường số.			
5	Tỷ lệ các cơ quan nhà nước thực hiện chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường số.	100%	Văn Phòng HĐND và UBND xã	Các phòng, đơn vị
6	Tỷ lệ cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, dữ liệu của xã được đào tạo đạt chứng chỉ quản trị dữ liệu cơ bản.	100%	Phòng Văn hóa - Xã hội xã	Các phòng, đơn vị
7	Tỷ lệ các hệ thống thông tin phục vụ phát triển Chính quyền số trên địa bàn xã phải được phê duyệt hồ sơ đề xuất bảo đảm an ninh mạng theo cấp độ trước khi đưa vào vận hành, sử dụng; được kiểm tra, đánh giá an ninh mạng định kỳ.	100%	Công an xã	Các phòng, đơn vị
8	Tỷ lệ cơ quan nhà nước, doanh nghiệp nhà nước sử dụng các dịch vụ điện toán đám mây do doanh nghiệp trong nước cung cấp.	100%	Phòng Văn hóa - Xã hội xã	Các phòng, đơn vị
II	Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy tăng trưởng của nền kinh tế			
1	Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực	20%	Phòng Kinh tế xã	Các phòng, đơn vị
2	Tỷ lệ Năng suất lao động hằng năm tăng tối thiểu	8%	Phòng Kinh tế xã	Các phòng, đơn vị
3	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt	70%	Phòng Kinh tế xã	Các phòng, đơn vị
4	Tỷ lệ doanh nghiệp trên địa bàn xã sử dụng hợp đồng điện tử.	50%	Phòng Kinh tế xã	Các phòng, đơn vị
III	Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số			

TT	Chỉ tiêu	Kết quả	Phòng, đơn vị chủ trì triển khai, theo dõi, đánh giá	Phòng, đơn vị thực hiện
1	Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên trên địa bàn xã có tài khoản tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác.	80%	Phòng Kinh tế xã	Các phòng, đơn vị
2	Tỷ lệ người dân trên địa bàn xã có Sổ sức khỏe điện tử.	80%	Phòng Văn hóa - Xã hội xã	Các phòng, đơn vị
3	Tỷ lệ người dân trên địa bàn xã biết kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông.	95%	Phòng Văn hóa - Xã hội xã	Các phòng, đơn vị
5	Tỷ lệ Mạng băng rộng di động 5G phủ sóng dân số	99%	Phòng Văn hóa - Xã hội xã	Các phòng, đơn vị
6	Tỷ lệ sử dụng IPv6 trên địa bàn xã	90%	Phòng Văn hóa - Xã hội xã	Các phòng, đơn vị
7	Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh.	95%	Phòng Văn hóa - Xã hội xã	Các phòng, đơn vị
8	Tỷ lệ người dân có khả năng tiếp cận các kênh truyền thông chính thống trên nền tảng số.	100%	Phòng Văn hóa - Xã hội xã	Các phòng, đơn vị

Phụ lục 02**CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM THỰC HIỆN KẾ HOẠCH***(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /04/2026 của Ủy ban nhân dân xã Bình Giang)*

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
I	Hoàn thiện thể chế				
1	Rà soát, ban hành và cập nhật các quy chế, quy định nội bộ của UBND xã liên quan đến quản lý, vận hành và khai thác các hệ thống thông tin, nền tảng số, bảo đảm thống nhất, đồng bộ với quy định của Trung ương và Thành phố Hải Phòng.	Văn Phòng HĐND và UBND xã	Phòng Văn hoá - Xã hội	Quyết định, Quy chế ...	2026
2	Ban hành quy chế bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; bảo vệ dữ liệu cá nhân; phân quyền truy cập, khai thác dữ liệu số phục vụ quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ công.	Công an xã	Phòng Văn hoá - Xã hội, Trung tâm Phục vụ hành chính công, các phòng, đơn vị có liên quan	Quyết định, Quy chế ...	2026
3	Lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ chuyển đổi số vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm và 5 năm của xã; gắn chuyển đổi số với cải cách hành chính, xây dựng chính quyền cơ sở hiện đại.	Phòng Kinh tế xã	Các phòng, đơn vị có liên quan	Kế hoạch, Chương trình ...	2026-2030
4	Hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa Ủy ban nhân dân xã với các cơ quan chuyên môn cấp trên, các doanh nghiệp viễn thông - công nghệ số trong triển khai, duy trì, khai thác hiệu quả các	Phòng Văn hoá - Xã hội xã	Các phòng, đơn vị có liên quan	Thoả thuận hợp tác; Quy chế phối hợp.	2026-2030

	nền tảng số dùng chung.				
5	Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện thể chế, cơ chế chuyển đổi số; kịp thời kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung các quy định không còn phù hợp với thực tiễn triển khai tại xã.	Phòng Văn hoá - Xã hội xã	Các phòng, đơn vị có liên quan	Báo cáo	Thường xuyên
II Phát triển Hạ tầng số và Dữ liệu số					
1	Nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin của xã.	Văn Phòng HĐND và UBND xã	Các phòng, đơn vị có liên quan	Hệ thống	Thường xuyên
2	Triển khai mạng truyền số liệu chuyên dùng của Đảng và Nhà nước theo hướng thống nhất, dùng chung cho toàn bộ hệ thống chính trị của xã, phục vụ gửi nhận văn bản và xử lý hồ sơ Mật, Tối mật, bảo đảm liên thông và đồng bộ dữ liệu với các nền tảng và ứng dụng dùng chung của thành phố.	Văn Phòng HĐND và UBND xã	Các phòng, đơn vị có liên quan	Kế hoạch, Văn bản triển khai thực hiện	Thường xuyên
3	Cung cấp dữ liệu mở đúng chuẩn kết nối, chia sẻ dữ liệu qua trục kết nối chia sẻ dữ liệu của thành phố.	Phòng Văn hoá - Xã hội xã	Các phòng, đơn vị có liên quan	Kế hoạch, Văn bản triển khai thực hiện	Thường xuyên
4	Nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin của xã.	Văn Phòng HĐND và UBND xã	Các phòng, đơn vị có liên quan	Hệ thống	Thường xuyên
III Phát triển chính quyền số					
1	Tổ chức triển khai kịp thời và hiệu quả các nền tảng số phục vụ phát triển Chính phủ số do Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương triển khai đến xã.	Phòng Văn hoá - Xã hội xã	Các phòng, đơn vị có liên quan	Kế hoạch	Thường xuyên

2	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình đối với các thủ tục hành chính đủ điều kiện; Số hoá kết quả giải quyết thủ tục hành chính; dữ liệu số hóa được khai thác, sử dụng lại trong giải quyết thủ tục hành chính và quản lý nhà nước.	Trung tâm phục vụ Hành chính công xã	Các phòng, đơn vị có liên quan	Văn bản triển khai thực hiện	Thường xuyên
3	Thực hiện hồ sơ công việc trên môi trường điện tử, sử dụng chữ ký số cá nhân; thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo trên Hệ thống thông tin báo cáo.	Văn Phòng HĐND và UBND xã	Các phòng, đơn vị có liên quan	Văn bản triển khai thực hiện	Thường xuyên
4	Xây dựng phần mềm theo dõi nhiệm vụ do UBND thành phố, Chủ tịch UBND Thành phố giao trên môi trường số.	Phòng Văn hoá - Xã hội xã	Các phòng, đơn vị có liên quan	Phần mềm	2026
5	Phối hợp triển khai và khai thác ứng dụng AI hoặc công cụ hỗ trợ thông minh do thành phố, Trung ương cung cấp phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của UBND xã.	Phòng Văn hoá - Xã hội xã	Các phòng, đơn vị có liên quan	Kế hoạch, Văn bản triển khai thực hiện	2026-2028
6	Tổ chức đào tạo kỹ năng số cơ bản cho cán bộ, công chức, viên chức; cử cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số tham gia đào tạo quản trị dữ liệu, an toàn thông tin theo kế hoạch cấp trên.	Phòng Văn hoá - Xã hội xã	Các phòng, đơn vị có liên quan	Kế hoạch, Văn bản triển khai thực hiện	Thường xuyên
7	Xây dựng nền tảng số phục vụ chính quyền cấp xã	Phòng Văn hoá - Xã hội xã	Các phòng, đơn vị có liên quan	Phần mềm	2026
IV	Phát triển Kinh tế số và Xã hội số				
1	Hình thành các mô hình truy xuất nguồn gốc, thương mại điện tử cho nông sản.	Phòng Kinh tế xã	Các phòng, đơn vị có liên quan	Kế hoạch, Văn bản triển khai thực hiện	2026-2030
2	Đẩy mạnh tuyên truyền về giao dịch thanh toán	Phòng Văn hoá -	Các phòng, đơn vị có	Kế hoạch, Văn	Thường

	dịch vụ công và thương mại điện tử trên địa bàn thực hiện qua phương thức không tiền mặt.	Xã hội xã	liên quan	bản triển khai thực hiện	xuyên
3	Xây dựng, phổ biến, triển khai các chính sách khuyến khích người dân cài đặt và sử dụng các ứng dụng tương tác với chính quyền.	Phòng Văn hoá - Xã hội xã	Các phòng, đơn vị có liên quan	Kế hoạch, Văn bản triển khai thực hiện	Thường xuyên
4	Tổ chức các lớp hướng dẫn cho thanh niên, phụ nữ và nông dân sử dụng định danh điện tử VNeID trong giải quyết thủ tục hành chính.	Phòng Văn hoá - Xã hội xã	Các phòng, đơn vị có liên quan	Kế hoạch, Văn bản triển khai thực hiện	Thường xuyên
V	An toàn thông tin				
1	Tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn kỹ thuật về bảo vệ dữ liệu cá nhân trong cơ quan nhà nước theo Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân. Triển khai hướng dẫn kỹ thuật về lưu trữ, xử lý, chia sẻ và kiểm soát truy cập dữ liệu cá nhân trong các nền tảng và hệ thống thông tin.	Công an xã	Các phòng, đơn vị có liên quan	Kế hoạch, Văn bản triển khai thực hiện	Thường xuyên
2	Triển khai đầy đủ các phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ đã được phê duyệt đối với hệ thống thông tin của xã.	Công an xã	Các phòng, đơn vị có liên quan	Kế hoạch, Văn bản triển khai thực hiện	Thường xuyên
VI	Phát triển nhân lực số				
1	Xây dựng chương trình tập huấn riêng cho đội ngũ lãnh đạo cấp ủy, chính quyền về tư duy chiến lược và kỹ năng quản lý trong môi trường số.	Phòng Văn hoá - Xã hội xã	Các phòng, đơn vị có liên quan	Kế hoạch, Chương trình	2026
2	Phổ biến, triển khai cung cấp học liệu để đào tạo, phổ cập kỹ năng số, hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ số của cơ quan nhà nước cho các đối tượng trên Nền tảng Bình dân học	Phòng Văn hoá - Xã hội xã	Các phòng, đơn vị có liên quan	Kế hoạch, Chương trình	2026

	vụ số. Bố trí nhân lực chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số; triển khai thực chất, hiệu quả phong trào “Bình dân học vụ số”.				
3	Kiên toàn và nâng cao năng lực cho các thành viên tổ công nghệ số cộng đồng để hướng dẫn người dân sử dụng VNeID, dịch vụ công trực tuyến và thanh toán không dùng tiền mặt.	Phòng Văn hoá - Xã hội xã	Các phòng, đơn vị có liên quan	Kế hoạch, Chương trình	2026
4	Đẩy mạnh chuyển đổi số trong các trường học trên địa bàn xã thông qua việc kết nối bằng thông rộng và tích hợp các tiết học ngoại khóa về kỹ năng lập trình cơ bản, tư duy số cho học sinh. Khuyến khích Đoàn thanh niên xã thành lập các câu lạc bộ hỗ trợ chuyển đổi số, làm lực lượng nòng cốt hỗ trợ người cao tuổi và người dân tộc thiểu số tiếp cận công nghệ.	Các trường học trên địa bàn xã	Các phòng, đơn vị có liên quan	Kế hoạch, Chương trình	Thường xuyên